Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

Phụ lục I
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 144 /GPMT-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh showroom 2.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn.

- Nguồn số 03: Nước thải rửa xe phát sinh từ showroom 2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Cống thoát nước thành phố phía Tây Nam cơ sở.

2.2. Dòng nước thải

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải ra cống thoát nước thành phố Nam Định phía Tây Nam cơ sở.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Toàn bộ nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sau đó dẫn chảy ra cống thoát nước thành phố Nam Định phía Tây Nam cơ sở qua 01 cửa xả.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2261420,2; Y(m) = 568290,3 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m^3/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải (từ nguồn số 01 đến nguồn số 03) được thu gom bằng đường ống để dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được dẫn chảy ra cống thoát nước thành phố Nam Định phía Tây Nam cơ sở qua 01 cửa xả bằng phương pháp tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng C_{max} = C), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm theo QCVN 40:2011/BTNMT(B) C = C_{max}	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-	(01 lần/năm) theo đề xuất và cam kết của Công ty	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5 ÷ 9		
3	Độ màu	Pt/Co	150		
4	BOD_5 (20^0C)	mg/l	50		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
6	COD	mg/l	150		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
8	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	6		
9	Tổng nitơ	mg/l	40		
10	Clo dư	mg/l	2		
11	Sunfua	mg/l	0,5		
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
13	Coliform	VK/100ml	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải khu nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới khu nhà vệ sinh, sau đó theo hệ thống đường ống D125, D160 chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải nhà ăn được thu gom bằng đường ống D90, D140 về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải tại khu vực rửa xe được thu gom bằng đường rãnh (kích thước 0,3 x 0,3 x 0,3 m) về bể tách dầu mỡ thể tích 04 m^3 đặt ngầm dưới khu rửa xe, sau đó theo đường ống PVC D125, D140, D160 về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm.

Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sau đó dẫn chảy vào cống thoát nước của thành phố Nam Định phía Tây Nam cơ sở qua 01 cửa xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ

+ Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn: Công ty đã đầu tư xây dựng 04 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích 32 m^3 (bố trí dưới khu nhà vệ sinh showroom 02) để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh.

+ Bể tách dầu mỡ: Công ty đã đầu tư xây dựng 03 bể tách dầu mỡ thể tích 04 m^3/bể (bố trí dưới 03 khu rửa xe). Nước thải sau bể tách dầu mỡ sẽ theo đường ống PVC D125, D140, D160 về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm có quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi → Bể phản ứng hóa lý → Bể lắng hóa lý → Bể sinh học → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hố ga → Cống thoát nước của thành phố Nam Định phía Tây Nam cơ sở qua 01 cửa xả (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)).

- Công suất thiết kế: 30 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh 04 kg/tháng; Clo 0,5 kg/tháng; PAC, Polymer 40 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải; có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ thiết bị, máy móc.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, đầu tư trang thiết bị dự phòng, vật tư thay thế để kịp thời ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, Công ty cử cán bộ kiểm tra từng công đoạn và xử lý sự cố của hệ thống xử lý. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mới cho hệ thống hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ Quý II/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu nước thải tại bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm.

- 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm trước khi thải ra ngoài cống thoát nước của thành phố Nam Định phía Tây Nam cơ sở.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom và ít nhất 03 mẫu nước thải đầu ra tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 30 m^3/ngày.đêm, trước khi chảy ra cống thoát nước của thành phố phía Tây Nam cơ sở trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Công ty phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3. phần A Phụ lục này trước khi thải ra cống thoát nước của thành phố Nam Định phía Tây Nam cơ sở. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra môi trường khi cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu./.